

KINH TẾ QUÝ I NĂM 2021 CÓ NHIỀU TÍN HIỆU KHẢ QUAN

Đào Ngọc Lâm *

Tóm tắt: Năm 2021 - năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII, thực hiện mục tiêu Kế hoạch 5 năm (2021-2025), Chiến lược 10 năm (2021-2030) và tầm nhìn đến năm 2045 đã qua quý đầu tiên. Mặc dù vẫn vừa phải tiếp tục thực hiện mục tiêu kép, vừa chống dịch Covid-19 vừa thúc đẩy phát triển sản xuất - kinh doanh, dưới sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ sự nỗ lực phấn đấu của mọi tầng lớp dân cư, nền kinh tế trong nước vẫn đạt được nhiều kết quả khả quan.

Từ khóa: Tăng trưởng kinh tế, vốn đầu tư, lãi suất, lạm phát.

Summary: The year 2021 - the first year of implementing the XIII Party Congress, the 5-year plan (2021-2025), the 10-year strategy (2021-2030) and vision to 2045 has been implemented through the first quarter. Although still having to continue to achieve the dual goal of fighting against the Covid-19 epidemic and promoting the development of production and business, under the close direction of the Government, the efforts of all population are under the strict direction of the Government. As a result, the domestic economy still achieved many positive results.

Keywords: Economic growth, investment capital, interest rate, inflation.

Tăng trưởng kinh tế đạt 4,48%

Đối với một nước đang phát triển, nằm trong nhóm nước có thu nhập trung bình thấp, còn đứng trước nguy cơ tụt hậu, thì tăng trưởng kinh tế là mục tiêu có tầm quan trọng hàng đầu trong “ngũ giác” mục tiêu (tăng trưởng nhanh, lạm phát thấp, cán cân thanh toán có số dư, thất nghiệp ít, môi trường được bảo vệ và cải thiện). Mặc dù vẫn phải tiếp tục thực hiện “mục tiêu kép” (chống dịch Covid-19 và phát triển kinh tế - xã hội), tình hình phát triển kinh tế diễn ra trong trạng thái bình thường mới. Cũng vì thế, mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2021, theo Nghị quyết của Quốc hội là 6%, theo quyết tâm

của Chính phủ là 6,5%. Ước thực hiện quý I, tăng trưởng GDP đạt 4,48%.

Dưới góc độ vốn đầu tư là yếu tố đầu vào, yếu tố vật chất trực tiếp quyết định tốc độ tăng trưởng kinh tế trong quý I năm nay, có 3 tín hiệu khả quan:

1) Tốc độ tăng tính theo giá thực tế tăng 6,3%, nếu loại trừ yếu tố giá (bình quân 3 tháng năm nay so với cùng kỳ năm trước tăng 0,29%), thì còn tăng khoảng 6%, cao hơn tốc độ tăng GDP.

2) Tỷ lệ vốn đầu tư so với GDP đạt 26,5%, thấp hơn tỷ lệ tương ứng (31%) của cùng kỳ năm trước.

3) Cơ cấu tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội có sự chuyển dịch đáng lưu ý.

* Nguyên cán bộ Tổng cục Thống kê

Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước tăng 7,5%, cao hơn tỷ trọng tương ứng của cùng kỳ năm trước (24,1% so với 23,8%). Nguồn vốn ngoài nhà nước tăng 5,7%, tỷ trọng tuy thấp hơn cùng kỳ (57,2% so với 57,5%), nhưng vẫn lớn nhất trong 3 nguồn. Vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài ước đạt 4,1 tỷ USD, tăng 6,5%, tỷ trọng trong tổng vốn đầu tư đạt tương đương cùng kỳ năm trước (18,7%).

Bên cạnh kết quả tích cực, bức tranh kinh tế quý 1 cũng bộc lộ một số gam màu xám. Lượng vốn nhà đầu tư nước ngoài rút khỏi thị trường chứng khoán diễn ra liên tục trong nhiều ngày, từ tháng 2 đến tháng 3. Trong khi đó, tình hình thực hiện kế hoạch các dự án đầu tư công từ ngân sách nhà nước đạt thấp (14,9%); số doanh nghiệp (DN) gia nhập thị trường (gồm cả số đăng ký thành lập mới và số quay trở lại hoạt động) giảm 1,2% hay giảm 550 DN. Tính đến cuối quý I/2021 số DN đang hoạt động trên cả nước có khoảng 787.000, thấp hơn nhiều so với chỉ tiêu phấn đấu của Chính phủ (1 triệu DN). Tình trạng DN hoạt động cầm chừng trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp, làm cho lượng vốn đầu tư của khối DN vào thị trường trong quý I năm nay tăng chậm.

Nhìn nhận theo phân ngành kinh tế, tăng trưởng GDP quý 1 năm nay có 3 điểm đáng chú ý. Tăng trưởng đạt được ở cả 3 nhóm ngành, từ lĩnh vực công nghiệp – xây dựng đến sản xuất nông, lâm, thủy sản và thương mại dịch vụ. Tăng trưởng đạt cao hơn tốc độ tăng tương ứng của cùng kỳ năm trước (nông, lâm, thủy sản tăng 3,19% so với 0,04%, công nghiệp – xây dựng tăng 6,3% so với 5,1%, dịch vụ tăng 3,34%). Trong 21 ngành cụ thể, có 17 ngành tăng, cao nhất là công nghiệp chế biến - chế tạo (9,45%); tiếp đến là

hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm (7,35%); bán buôn, bán lẻ (6,45%). Có 4 ngành suy giảm (khai khoáng giảm 8,24%, vận tải kho bãi giảm 2,17%, dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 4,49%, hoạt động dịch vụ hỗ trợ giảm 8,22%, nghệ thuật, vui chơi, giải trí giảm 4,02%).

Dưới góc độ sử dụng GDP, các nội dung chủ yếu đều tăng, trong đó tích lũy tài sản tăng 4,08%, tiêu dùng cuối cùng tăng 4,59%. Trong tiêu dùng cuối cùng, bộ phận quan trọng nhất, chiếm tỷ trọng lớn nhất, liên quan đến đầu ra là tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng (TMBL) quý I năm nay, tính theo giá thực tế, tăng 5,1% (nếu loại trừ yếu tố giá thì tăng 4,42%), cao hơn tốc độ tăng GDP. Tuy vậy, một số khoản quan trọng trong TMBL vẫn còn giảm, nhất là du lịch lữ hành (giảm 60,1%), dịch vụ lưu trú, ăn uống (giảm 3%), chủ yếu do lượng khách quốc tế giảm sâu (98,7%).

Kim ngạch xuất nhập khẩu tăng 22%, xuất siêu 2,03 tỷ USD

Một trong số nội dung quan trọng của kinh tế vĩ mô thể hiện bằng quy mô xuất nhập khẩu tăng theo xu hướng xuất siêu hàng hóa, dịch vụ. Kết thúc quý I/2021 kim ngạch xuất khẩu cả nước đạt 77,34 tỷ USD, tăng 22%, hay tăng 13,95 tỷ USD, lớn nhất cùng kỳ từ trước tới nay. Xuất khẩu đạt kết quả tích cực ở cả hai khu vực, trong đó khu vực có vốn ĐTNN đạt quy mô lớn nhất (59,04 tỷ USD), chiếm 76,3% tổng số; một số mặt hàng chiếm tỷ trọng cao hơn, như điện thoại, máy tính và sản phẩm điện tử, dầu thô, máy ảnh, máy quay phim,... Tăng trưởng xuất khẩu đạt được ở nhiều mặt hàng chủ yếu, có lợi thế của Việt Nam, trong đó có một số mặt hàng có mức tăng lớn (trên 200 triệu USD) là điện thoại và linh kiện, điện tử, máy tính và linh kiện, máy móc thiết bị,

dụng cụ phụ tùng, gỗ và sản phẩm gỗ, sắt thép, xơ sợi dệt, nguyên phụ liệu may, da giày, kim loại thường, sản phẩm sắt thép, sản phẩm chất dẻo. Mới qua 3 tháng đầu năm đã có 23 mặt hàng đạt trên 500 triệu USD, trong đó có 11 mặt hàng đạt trên 1 tỷ USD (điện thoại và linh kiện: 14.076 triệu USD; điện tử, máy tính và linh kiện: 11.965 triệu USD; máy móc thiết bị và dụng cụ phụ tùng khác: 9.100 triệu USD, dệt may: 7.184 triệu USD, giày dép: 4.738 triệu USD, gỗ và sản phẩm gỗ: 3.699 triệu USD, phương tiện vận tải và phụ tùng: 2.666 triệu USD, sắt thép: 1.826 triệu USD, thủy sản: 1.687 triệu USD, xơ sợi dệt: 1.222 triệu USD, sản phẩm chất dẻo: 1.057 triệu USD). Đạt mức tăng về sản lượng có hạt điều, sắn và sản phẩm của sắn, clanhke và xi măng, chất dẻo nguyên liệu, cao su, xơ sợi dệt, sắt thép. Tăng về giá có cà phê, chè, hạt tiêu, gạo, sắn và sản phẩm sắn, xăng dầu, chất dẻo nguyên liệu, cao su. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, mới qua 3 tháng đã có hơn 10 thị trường xuất khẩu của Việt Nam đạt trên 1 tỷ USD, lớn nhất là Mỹ đạt 21,2 tỷ USD, tiếp đến là Trung Quốc 12,5 tỷ USD, Hàn Quốc 5 tỷ USD, Nhật Bản 4,9 tỷ USD, khu vực EU 9,6 tỷ USD, các nước ASEAN 6,5 tỷ USD.

Tương đồng với đà tăng xuất khẩu, kim ngạch hàng nhập khẩu cũng tăng cao (26,3%), góp phần hạn chế việc đứt gãy nguồn cung ứng nguyên vật liệu cho sản xuất, xuất khẩu. Có 45/53 mặt hàng nhập khẩu tăng, trong đó có mức tăng lớn (trên 200 triệu USD), như máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, điện thoại và linh kiện, máy móc thiết bị, sắt thép, sản phẩm hóa chất, chất dẻo nguyên liệu, vải, sản phẩm từ cao su, sản phẩm từ chất dẻo, sản phẩm từ sắt thép. Có 49/85 thị trường chủ yếu Việt Nam nhập khẩu tăng,

trong đó có 8 thị trường tăng cao (trên 200 triệu USD), như Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Malaysia, Thái Lan, Brazil, Campuchia. Trong đó có 7 thị trường đạt trên 1 tỷ USD, lớn nhất là Trung Quốc đạt 23,8 tỷ USD, Hàn Quốc 13 tỷ USD, Nhật Bản 5,1 tỷ USD, Mỹ 4 tỷ USD, khu vực EU 4 tỷ USD, các nước ASEAN 9,3 tỷ USD. Do xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu, nên Việt Nam ở vị thế xuất siêu trị giá 2,03 tỷ USD. Điểm vượt trội này càng có ý nghĩa khi đạt được trong điều kiện khó khăn mới, khi đại dịch Covid-19 bùng phát trở lại đợt thứ 3 từ những ngày đầu năm dương lịch. Kết quả xuất khẩu của 3 tháng qua là tín hiệu khả quan để cả năm 2021 có thể đạt các kỷ lục mới về tổng kim ngạch xuất khẩu, tỷ lệ xuất khẩu so với GDP, xuất khẩu bình quân đầu người, có thể xuất siêu năm thứ 6 liên tiếp, góp phần tăng trưởng kinh tế, ổn định tỷ giá, tạo môi trường hấp dẫn hơn trong thu hút đầu tư nước ngoài.

Tập trung tháo gỡ một số điểm nghẽn

Từ diễn biến trong 3 tháng đầu năm cũng cho thấy một số điểm nghẽn cần tập trung tháo gỡ để khơi thông hoạt động sản xuất - kinh doanh, thúc đẩy xuất khẩu.

Thứ nhất, cần đặc biệt quan tâm là, tỷ trọng xuất khẩu của khu vực trong nước còn nhỏ lại có xu hướng giảm (23,7% so với 27,5%). Một số địa bàn bị giảm, như Bạc Liêu, Cà Mau, Cần Thơ, Hậu Giang, Khánh Hòa, Kiên Giang, Lâm Đồng, Quảng Trị, Trà Vinh. Một số địa bàn có kim ngạch rất nhỏ so với tiềm năng và so với các địa bàn khác, như An Giang, Bình Thuận, Đắk Nông, Đắk Lắk, Đồng Tháp, Gia Lai, Nghệ An, Ninh Thuận, Phú Yên, Quảng Bình, Sóc Trăng, Vĩnh Long,...

Thứ hai, hoạt động xuất nhập khẩu còn có tình trạng “bỏ trứng vào một giỏ”

nên dễ gặp rủi ro khi đối tác áp dụng hàng rào kỹ thuật phi thuế quan. Hiện nay tỷ trọng xuất khẩu hàng hóa sang Mỹ chiếm 27,4%, Trung Quốc chiếm 16,2%, Hàn Quốc chiếm 6,5%, Nhật Bản chiếm 6,3%. Chỉ 4 nơi này đã chiếm 56,4% tổng kim ngạch hàng xuất khẩu của cả nước. Một số mặt hàng xuất khẩu vào Trung Quốc còn chiếm tỷ trọng lớn, như rau quả, cao su, gạo, sản và sản phẩm từ sản,... nên mỗi khi gặp sự cố, khiến cả nước phải “giải cứu” để hỗ trợ.

Thứ ba, tính gia công lắp ráp còn lớn, công nghiệp phụ trợ yếu nên kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng còn rất lớn, thậm chí còn lớn hơn cả xuất khẩu (như máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện - 11.965 triệu USD so với 16.788 triệu USD; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác - 9.100 triệu USD so với 10.814 triệu USD; điện thoại và linh kiện - 14.076 triệu USD so với 4.857 triệu USD; sắt thép - 1.826 triệu USD so với 2.569 triệu USD; sản phẩm từ chất dẻo - 1.057 triệu USD so với 1.919 triệu USD). Trong khi đó, xuất siêu lớn hoàn toàn do khu vực có vốn ĐTNN tạo ra, về thị trường phần lớn là Mỹ và châu Âu. Nhập siêu 3 tháng rất lớn từ Trung Quốc - 11,3 tỷ USD, Hàn Quốc 8 tỷ USD, Đài Loan - 2.509 triệu USD, Thái Lan - 1.037 triệu USD, Malaysia - 705 triệu USD, Ailen - 655 triệu USD, Cô oét - 433 triệu USD, Brazil - 340 triệu USD, Indonesia - 335 triệu USD, Australia - 287 triệu USD,...

Theo chương trình hành động của Chính phủ với yêu cầu, mục tiêu kinh tế tăng trưởng cao hơn trong năm 2021, đòi hỏi được bổ sung một lượng vốn khá lớn để đầu tư phát triển. Vốn đầu tư có hai tác động, một mặt là yếu tố vật chất trực tiếp quyết định tốc độ tăng trưởng kinh tế; mặt khác, vốn đầu tư cũng có những hạn chế

về nguồn, nếu sử dụng không hiệu quả, sẽ gây hiệu ứng phụ làm tăng nợ công, nợ chính phủ, nợ nước ngoài, thậm chí gây lạm phát cao.

Để đạt mức tăng trưởng cao, thông thường chính sách tiền tệ phải nới lỏng hơn, thông qua giảm lãi suất cho vay, tăng dư nợ tín dụng nhằm tiếp thêm nguồn lực cho DN. Tiền tệ - tín dụng một mặt là mạch máu của nền kinh tế thúc đẩy tăng trưởng, mặt khác cũng là yếu tố trực tiếp dễ gây lạm phát. Khi tiền đưa ra lưu thông ít hơn hàng thì giá giảm, khi tiền nhiều hơn hàng thì giá tăng, đồng tiền mất giá. Dư nợ tín dụng trên GDP tính đến cuối tháng 3 đã vào khoảng 135%, cao gấp rưỡi, gấp đôi tỷ lệ tương ứng của nhiều nước. Thời gian qua, khi lãi suất huy động của các ngân hàng thương mại giảm xuống ở mức thấp, thì tiền tiết kiệm gửi vào ngân hàng ít đi, thậm chí một số người còn rút tiền ra để đầu tư vào thị trường chứng khoán (3 tháng đầu năm có 258.000 tài khoản mới của nhà đầu tư F0); ngoài ra còn tình trạng đầu tư nóng vào bất động sản khi cơn sốt đến chu kỳ (đã diễn ra năm 1993, 2000, 2008, 2014, 2020-2021) với sự thổi giá của không ít “cò đất”... là mầm mống của lạm phát.

Để ổn định thị trường, các chuyên gia khuyến nghị cần triển khai một số giải pháp cấp bách hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản xuất - kinh doanh, thúc đẩy xuất khẩu. Theo đó, kiến nghị Chính phủ tiếp tục miễn giảm và gia hạn thuế đến hết năm 2021, kết hợp với việc triển khai các gói an sinh xã hội và kích thích kinh tế đối với các trường hợp bị ảnh hưởng do đại dịch Covid-19. Bộ Tài nguyên và Môi trường cần chỉ đạo các địa phương minh bạch thông tin liên quan đến các dự án đầu tư, đồng thời tăng cường quản lý đất đai gắn với trách nhiệm của chính quyền

địa phương để giải tỏa các cơn sốt nóng trên thị trường bất động sản, kịp thời xử lý các đối tượng đầu cơ tạo sóng để trục lợi. Cùng với đó, Ngân hàng Nhà nước cần chỉ đạo các ngân hàng thương mại rà soát tiết giảm chi phí, làm cơ sở thu hẹp biên độ chênh lệch giữa lãi suất cho vay

và lãi suất đi vay, nới rộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm để thu hút dòng tiền nhàn rỗi trong dân cư. Từ đó đảm bảo phòng tránh lạm phát, ổn định thị trường tiền tệ, vừa có đủ nguồn vốn giá rẻ hỗ trợ doanh nghiệp khôi phục sản xuất kinh doanh sau đại dịch Covid-19./.

Tài liệu tham khảo

1. Niên giám Thống kê;
2. Báo cáo tháng 1, tháng 2, tháng 3 của Tổng cục Thống kê;
3. Thông tin về xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan.

Ngày nhận: **06/04/2021**

Phản biện: **26/04/2021**

Đăng tạp chí: **05/05/2021**